

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 8 NĂM 2025
TẠI NƠI SẢN XUẤT VÀ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Công văn số /SXD-KTVLXD ngày /9/2025 của Sở Xây dựng Đắk Lắk)

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	Trên địa bàn tỉnh	các xã miền núi
		Đèn LED chiếu sáng											
		Bộ đèn LED PI-70W	cái	TCVN 7722-1-2017 (IEC 60598-1:2014 With AMD1: 2017); TCVN 7722-2-3-2019 (IEC 60598-2-3: 2011); ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 /Đèn Led (Mắt Led:Epistar, Cree, Osram, Bridgelux, Nichia, luxeon 3030 chips inside, Citizen hoặc Lumiled Philips: Nguồn LED DALI Philips hoặc Nguồn DIMMING Philips, Osram, Meanwell, Inventronic.		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc						2.970.000	
		Bộ đèn LED PHI-100W, DIM 5 cấp	cái									6.375.000	
		Bộ đèn LED PHI-120W, DIM 5 cấp	cái									7.275.000	

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	Trên địa bàn tỉnh	các xã miền núi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		Bộ Đèn LED A-WIN MINI-50W	cái									4.875.000	
		Bộ Đèn LED A-WIN MINI-60W, DIM 5 Cấp	cái									5.970.000	
		Bộ Đèn LED A-WIN MINI-80W, DIM 5 Cấp	cái									7.260.000	
		Bộ Đèn LED A-WIN MINI-100W, DIM 5 Cấp	cái									8.065.500	
		Bộ Đèn LED A-WIN MAX - 100W, DIM 5 Cấp DALI	cái									9.577.500	
		Bộ Đèn LED A-WIN MAX - 120W, DIM 5 Cấp DALI	cái									9.828.000	
		Bộ Đèn LED A-WIN MAX - 150W, DIM 5 Cấp DALI	cái									10.027.500	
		Bộ Đèn LED A-WIN MAX - 160W, DIM 5 Cấp DALI	cái									10.248.000	
		Bộ Đèn LED B-WIN-100W, DIM 5 Cấp	cái									3.877.500	
		Bộ Đèn LED B-WIN-120W, DIM 5 Cấp	cái									4.887.000	
		Bộ Đèn LED C-WIN-150W, DIM 5 Cấp	cái									11.821.800	
		Bộ Đèn LED D-WIN-150W, DIM 5 Cấp	cái									6.480.000	
		Đèn Led đường phố NUY-100W DIM 620x340x110	cái									4.650.000	
		Đèn Led đường phố NUY-150W DIM 770x340x110	cái									6.480.000	
		Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM 720x280x80	cái									5.932.500	
		Bộ Đèn LED ALUMOS-150W, DIM 5 Cấp	cái									6.480.000	
		Bộ Đèn LED ALPHA-100W NLMT	cái									12.810.000	
		Bộ Đèn LED BETA-50W NLMT	cái									8.790.000	
		Bộ Đèn LED BETA-60W NLMT	cái									9.225.000	
		Bộ Đèn LED GAMMA-75W NLMT	cái									9.660.000	
		Bộ Đèn LED SIGMA-80W NLMT	cái									11.820.000	
		Bộ Đèn LED DELTA-160W NLMT	cái									18.645.000	

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	Trên địa bàn tỉnh	các xã miền núi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		Bộ Đèn LED DELTA-180W NLMT	cái									21.975.000	
		Bộ Đèn LED MOMO-120W NLMT	cái									13.680.000	
		Bộ Đèn LED NANO-150W NLMT	cái									15.345.000	
		Đèn Led EPSILON-100W, DALI	cái									4.929.000	
		Đèn Led IOTA-100W, DIM 5 cấp	cái									5.412.000	
		Đèn Led IOTA-120W, DALI	cái									5.661.000	
		Đèn Led IOTA-150W, DALI	cái									6.202.500	
		Đèn Led IOTA-150W, DIM 5 cấp	cái									7.081.500	
		Đèn Led IOTA-180W, DIM 5 cấp	cái									5.973.000	
		Bộ đèn LED KAPPA-50W, DIM 5 cấp	cái									1.522.500	
		Bộ đèn LED KAPPA-100W	cái									5.949.000	
		Bộ đèn LED KAPPA-100W, DIM 5 cấp	cái									6.517.500	
		Bộ đèn LED KAPPA-120W, DIM 5 cấp	cái									6.765.000	
		Bộ đèn LED KAPPA-120W, DALI	cái									6.958.500	
		Bộ đèn LED KAPPA-150W, DIM 5 cấp	cái									3.358.500	
		Bộ đèn LED PI-50W	cái									2.725.800	
		Bộ đèn LED PI-75W, DIM 5 cấp	cái									3.126.000	
		Bộ đèn LED PI-90W, DIM 5 cấp	cái									3.181.500	
		Bộ đèn LED PI-100W	cái									3.265.500	
		Bộ đèn LED PI-100W, DIM 5 cấp	cái									3.877.500	
		Bộ đèn LED PI-120W, DALI	cái									4.161.000	
		Bộ đèn LED PI-120W, DIM 5 cấp	cái									5.213.000	
		Bộ đèn LED PI-150W, DALI	cái									5.696.000	
		Bộ đèn LED PI-150W, DIM 5 cấp	cái									5.954.000	

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	Trên địa bàn tỉnh	các xã miền núi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		Bộ đèn LED PI-160W, DIM 5 cấp	cái									6.366.000	
		Bộ đèn LED PHI-150W, DIM 5 cấp	cái									7.527.000	
		Bộ đèn LED CHI-80W, DALI	cái									6.105.000	
		Bộ đèn LED CHI-100W, DALI	cái									6.352.500	
		Bộ đèn LED CHI-120W, DIM 5 cấp	cái									10.575.000	
		Bộ đèn LED CHI-150W, DIM 5 cấp	cái									11.821.800	
		Bộ đèn LED CHI-180W, DIM 5 cấp	cái									12.420.000	
		Bộ đèn LED CHI-200W, DIM 5 cấp	cái									13.443.000	
		Bộ đèn LED UPSILON-150W, DIM 5 cấp	cái									8.985.000	
		Đèn pha LED MB05-200w	cái									3.445.500	
		Đèn pha LED MB02-250w	cái									4.344.000	
		Đèn pha LED MB02-300w	cái									5.052.000	
		Đèn pha LED MB02- 400w	cái									5.692.500	
		Đèn pha LED MB02-500w	cái									8.992.500	
		Đèn pha LED MB03-600w	cái									11.928.000	
		Đèn pha LED MB04-800w	cái									21.251.700	
		Đèn pha LED MB07-1000w	cái									25.001.700	
		Khung móng											
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 / Khung móng (Chất liệu: Thép CT3, C45)/ Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc/ Xuất xứ Việt Nam		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc						546.000	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16, KT: (240x240x600)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									652.000	

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	Trên địa bàn tỉnh	các xã miền núi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16, KT: (240x240x650)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									761.000	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									591.500	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									624.000	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24, KT: (300x300x675)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									610.000	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24, KT: (300x300x750)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									685.000	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24, KT: (300x300x800)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									805.000	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M24, KT: (300x300x850)mm (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									936.000	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 8 Bulông M24, KT: Ø400mm, cao 1200mm (Lắp cho cột cao 13-16m) (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									3.612.700	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 8 Bulông M24, KT: Ø450mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ) (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									4.513.600	
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 18 Bulông M30, KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m) (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									17.945.200	

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	Trên địa bàn tỉnh	các xã miền núi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 20 Bulông M30, KT: Ø900mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m) (TCCS 01:2018/CSMB)	Cái									23.387.000	
		Cột đèn sân vườn trang trí											
		Đế DP03 gang cho cột thép		TCCS 01:2018/CSMB; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 /Cột đèn sân vườn trang trí (Chất liệu: Gang, nhôm, thép, hợp kim)/ Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc/ Xuất xứ Việt Nam		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc						8.562.400	
		Cột DP01 đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	Cái									5.805.800	
		Đế gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm CH07 (4+1) tay	Cái									5.467.000	
		Cột DC01 đế gang cho cột thép	Cái									10.778.600	
		Đế cột BANIAN gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm CH11 (4+1) tay	Cái									5.460.000	
		Đế cột NOUVO đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm đèn CH12	Cái									5.532.800	
		Cần đèn lắp vào thân cột thép - D78				Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc							
		Cần đơn MB01-D, MB02-D, MB05-D, MB06-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D										1.619.800	
		Cần kép MB01-K, MB02-K, MB05-K, MB06-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K										2.233.000	
		Cần đơn MB03-D, MB04-D, MB10-D, MB11-D, MB12-D										1.345.400	
		Cần kép MB03-K, MB04-K, MB10-K, MB11-K, MB12-K										1.876.000	

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	Trên địa bàn tỉnh	các xã miền núi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		Cột thép chiếu sáng - Liên căn đơn											
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền căn cao 6m, bích 300x300				Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc						2.310.000	
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền căn cao 7m, bích 300x300										2.730.000	
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền căn cao 8m, bích 300x300										3.500.000	
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền căn cao 9m, bích 300x300										4.055.800	
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền căn cao 10m, bích 400x400										4.566.800	
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền căn cao 11m, bích 400x400										4.659.200	
		Thân cột thép chiếu sáng - D78											
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 4m, bích 300x300				Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc						2.170.000	
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 5m, bích 300x300										2.380.000	
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 6m, bích 400x400										3.175.200	
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400										4.264.400	

STT	Nhóm vật liệu xây dựng	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	quy cách	nhà sản xuất	xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá thông báo (trước thuế VAT)		
											Tại nơi sản xuất	Trên địa bàn tỉnh	các xã miền núi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400										4.960.200	
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400										6.427.400	
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 10m, bích 400x400										6.514.200	